UBND PHƯỜNG CẦU GIẤY
TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2026-2027

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Cầu Giấy A.**

2. Cổng thông tin điện *tử:*

- ***Địa chỉ trụ sở chính:*** Số 186 đường Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy, Hà Nội

- Phân hiệu 1: Số 5 ngõ 3 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội

- ***Điện thoại:*** *02437931584*

- **Địa chỉ thư điện tử**: c2caugiaya@caugiay.edu.vn

- ***Địa chỉ trang tin điện tử:*** http://thcscaugiaya.edu.vn/

3. Loại hình của nhà trường: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- Sứ mạng: Hành động vì sự tiến bộ của mỗi thành viên để kiến tạo ngôi trường thực sự hạnh phúc.

- Tầm nhìn: Ngôi trường đi đầu về chất lượng giáo dục đại trà trong hệ thống các trường công lập phường Cầu Giấy, từ đó tạo đà cho sự phát triển chất lượng mũi nhọn.

Là một trường nổi bật trong khả năng kiến tạo hạnh phúc cho từng thành viên và trở thành mô hình điển hình của ngôi trường thực sự hạnh phúc.

- Mục tiêu của nhà trường

+ Mục tiêu chung:

Duy trì, phát triển các tiêu chuẩn nhà trường đạt chuẩn quốc gia, trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của quận và thành phố.

+ Mục tiêu cụ thể:

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường ngày càng phát triển.

- Phổ cập ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy

- Cán bộ quản lý có trình độ Tiến sĩ, thạc sĩ

- 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó 25% có trình độ Thạc sĩ trở lên.

Học sinh:

- Quy mô năm học 2026-2027: Số lớp học: 59 lớp, Số học sinh: 2776 em

- Chất lượng học tập năm học 2025-2026

Trường	SĨ SỐ	KẾT QUẢ CUỐI NĂM			
		HỌC LỰC/HỌC TẬP		HẠNH KIỂM/RÈN LUYỆN	
		Giỏi/Tốt	Khá	Tốt	Khá
THCS Dịch Vọng	2444	1592 65,14%	612 25,04%	2397 98,08%	43 1,76%
THCS Hạ Yên Quyết	275	238 63.4%	98 26.13%	360 96.0%	13 3.47%

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nguyện.

Cơ sở vật chất:

Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được sửa chữa, xây dựng bổ sung các trang thiết bị phục vụ dạy học đạt chuẩn.

Môi trường sư phạm đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp.

5. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường được thành lập Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc thành lập Trường THCS Cầu Giấy A (trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại trường THCS Dịch Vọng và trường THCS Hạ Yên Quyết)

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Phạm Thị Như Hoa

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: số 186 Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy.

Số điện thoại: 04 37931547

Địa chỉ thư điện tử: http://thcscaugiaya.edu.vn/

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc thành lập Trường THCS Cầu Giấy A.

b. Quyết định điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Cầu Giấy về điều động và bổ nhiệm bà Phạm Thị Như Hoa-Hiệu trưởng trường THCS Cầu Giấy A.

Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Cầu Giấy về việc điều động bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hiệp – Phó Hiệu trưởng THCS

Cầu Giấy A.

Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Cầu Giấy về việc điều động và bổ nhiệm bà Đinh Lan Anh – Phó Hiệu trưởng THCS Cầu Giấy A.

c. Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng nhiệm vụ quyền hạn. Sơ đồ tổ chức bộ máy

* Trường THCS Cầu Giấy A được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại trường THCS Dịch Vọng và trường THCS Hạ Yên Quyết, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Trường THCS Cầu Giấy A thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường THCS được ban hành kèm theo Thông tư số 15/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kĩ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực

hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

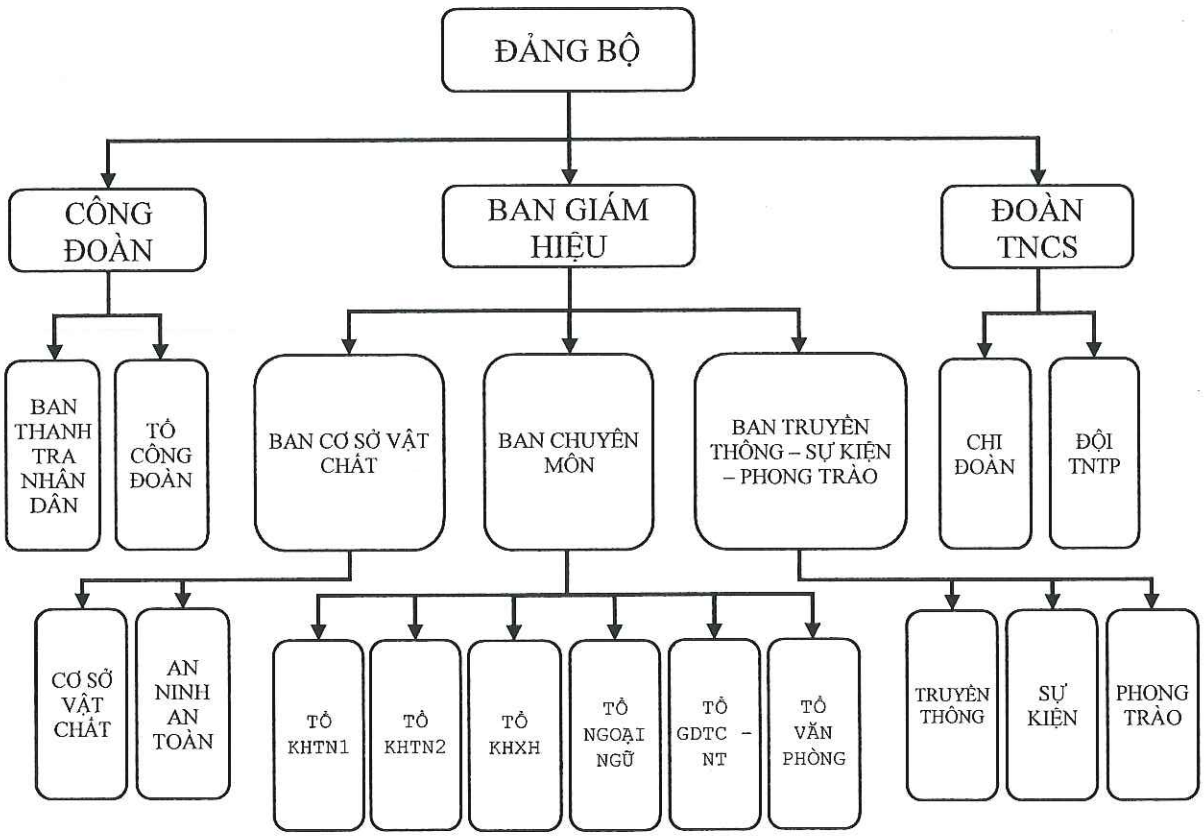
Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường



II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đối tượng	Số lượng	B.chế	Hợp đồng		Đảng viên	Đoàn viên	GV-NV đạt chuẩn	GV-NV trên chuẩn
			Phường	Trường				
Tổng số	**139**	**88**	**33**	**18**	**42**	**53**	**108**	**31**
1. BGH	**3**	**3**			**3**		**2**	**1**
2.Giáo viên:	**116**	**77**	**27**	**12**	**36**	**51**	**86**	**30**
Tổ KHXH	39	27	11	1	12	15	27	12
Tổ KHTN 1	29	19	6	4	8	8	23	6
Tổ KHTN 2	18	13	2	3	5	14	11	7
Tổ Ngoại ngữ	15	9	4	2	5	9	10	5
Tổ GDTC-NT	15	9	4	2	6	5	15	0
3. Nhân viên	**20**	**8**	**6**	**6**	**3**	**2**	**20**	
TQ-VP, kế toán	4	4			2		4	
Thư viện	2	1	1			1	2	
TBDH	2	2			1		2	
Y tế	2	1	1				2	
Bảo vệ, giám thị, tạp vụ	10	0	4	6		1	10	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

Trụ sở:

a	Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	**Số lượng**	**Bình quân**
a.1	Điểm trường	1	
a.2	Diện tích khu đất xây dựng trường	8978 m2	
a.3	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh		3.67m2/HS
b	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
b.1	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị	10	
b.2	Khối phòng học tập	42	
b.3	Khối phòng hỗ trợ học tập	8	

b.4	Khối phụ trợ		
b.5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	4.126 m2	1.7m2/HS
b.6	Khối phục vụ sinh hoạt		
b.7	Hạ tầng kỹ thuật		
c	**Số thiết bị dạy học hiện có**	3485	
	Khối lớp 6	766	
	Khối lớp 7	932	
	Khối lớp 8	755	
	Khối lớp 9	1021	

*** Phân hiệu 1**

a	Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	**Số lượng**	**Bình quân**
a.1	Điểm trường	1	
a.2	Diện tích khu đất xây dựng trường	3800 m2	
a.3	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh		11m2/HS
b	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
b.1	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị	10	
b.2	Khối phòng học tập	20	
b.3	Khối phòng hỗ trợ học tập	8	
b.4	Khối phụ trợ		
b.5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	350m2	1.3m2/HS
b.6	Khối phục vụ sinh hoạt		
b.7	Hạ tầng kỹ thuật		
c	**Số thiết bị dạy học hiện có**		
	Khối lớp 6		
	Khối lớp 7		
	Khối lớp 8		
	Khối lớp 9		

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

STT	Tên sách (nhà xuất bản giáo dục Việt Nam)
1	Ngữ văn 6 - Tập một (Kết nối)
2	Ngữ văn 6 - Tập hai (Kết nối)
3	Toán 6 - Tập một (Kết nối)
4	Toán 6 - Tập hai (Kết nối)
5	Giáo dục công dân 6 (Kết nối)

6	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối)
7	Khoa học tự nhiên 6 (Kết nối)
8	Công nghệ 6 (Kết nối)
9	Tin học 6 (Kết nối)
10	Giáo dục thể chất 6 (Kết nối)
11	Âm nhạc 6 (Kết nối)
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Kết nối)
13	Tiếng Anh 6, tập một Global Success (Kết nối)-Sách học sinh
14	Tiếng Anh 6, tập hai Global Success (Kết nối) - Sách học sinh
15	Mĩ thuật 6 (Kết nối)
16	Bài tập toán 6/1(Kết nối)
17	Bài tập toán 6/2(Kết nối)
18	Bài tập khoa học tự nhiên 6 (Kết nối)
19	Sách bài tập tiếng anh 6 (Kết nối)

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7

STT	Tên sách (nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)
1	Ngữ văn 7 tập 1 (Kết nối)
2	Ngữ văn 7 tập 2 (Kết nối)
3	Toán 7, Tập một (Kết nối)
4	Toán 7, Tập hai (Kết nối)
5	Khoa học tự nhiên 7 (Kết nối)
6	Lịch sử và Địa lý 7 (Kết nối)
7	Giáo dục công dân 7 (Kết nối)
8	Âm nhạc 7 (Kết nối)
9	Mĩ thuật 7 (Kết nối)
10	Tin học 7 (Kết nối)
11	Công nghệ 7 (Kết nối)
12	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối)
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Kết nối)
14	Tiếng Anh 7 Global Success (Kết nối)
15	Bài tập toán 7/1 ôn luyện thông minh (Kết nối)
16	Bài tập toán 7/2 ôn luyện thông minh (Kết nối)
17	Bài tập khoa học tự nhiên 7 (Kết nối)
18	Sách bài tập tiếng anh 7 (Kết nối)

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

STT	Tên sách (nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)
1	Ngữ văn 8 tập 1 (Kết nối)
2	Ngữ văn 8 tập 2 (Kết nối)
3	Toán 8, Tập một (Kết nối)
4	Toán 8, Tập hai (Kết nối)
5	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối)
6	Lịch sử và Địa lý 8 (Kết nối)
7	Giáo dục công dân 8 (Kết nối)
8	Âm nhạc 8 (Kết nối)
9	Mĩ thuật 8 (Kết nối)
10	Tin học 8 (Kết nối)
11	Công nghệ 8 (Kết nối)
12	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối)
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Kết nối)
14	Tiếng Anh 8 Global Success – Sách học sinh (Kết nối)
15	Bài tập toán 8/1 ôn luyện thông minh (Kết nối)
16	Bài tập toán 8/2 ôn luyện thông minh (Kết nối)
17	Bài tập khoa học tự nhiên 8 (Kết nối)
18	Át lát địa lí Việt Nam
19	Sách bài tập tiếng anh 8 – (Kết nối)

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

STT	Tên sách (nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)
1	Ngữ văn 9 tập 1 (Kết nối)
2	Ngữ văn 9 tập 2 (Kết nối)
3	Toán 9, Tập một (Kết nối)
4	Toán 9 Tập hai (Kết nối)
5	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối)
6	Lịch sử và Địa lý 9 (Kết nối)
7	Giáo dục công dân 9 (Kết nối)
8	Âm nhạc 9 (Kết nối)
9	Mĩ thuật 9 (Kết nối)
10	Tin học 9 (Kết nối)

11	Công nghệ 9 Trải nghiệm nghề nghiệp -Modun chế biến thực phẩm (Kết nối)
12	Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp (Kết nối)
13	Giáo dục thể chất 9 (Kết nối)
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Kết nối)
15	Tiếng Anh 9 Global Success (Kết nối)
16	Bài tập toán 9/1 ôn luyện thông minh (Kết nối)
17	Bài tập toán 9/2 ôn luyện thông minh(Kết nối)
18	Bài tập khoa học tự nhiên 9 (kết nối)
19	Át lát địa lí Việt Nam
20	Sách bài tập tiếng anh 9 – (Kết nối)

IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (SGDĐT Hà Nội)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

- Mức độ đạt kiểm định: cấp độ 2

- Thời gian hiệu lực: 5 năm, từ ngày 13 tháng 01 năm 2023 đến ngày 13 tháng 01 năm 2028.

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2026-2027

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Kết quả tuyển sinh năm học 2026-2027:

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực tế	Ghi chú
1	Khối lớp 6	17 lớp: 680 HS	12 lớp: 505 HS	

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối năm học 2026-2027

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Đội viên	Con DT	HS hòa nhập, khuyết tật	Ghi chú
6	12	507	246	507	9	2	
7	18	844	406	844	8	7	
8	14	652	330	652	7	3	
9	15	773	336	773	8	6	
Tổng	59	2776	1318	2776	32	18	

2. Kết quả học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp, HS tốt nghiệp THCS, HS trúng tuyển vào các trường THPT công lập năm trước

stt	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số lớp	18	14	15	11
2	Số học sinh	853	657	773	511
3	Số HS được lên lớp	844	652	773	511
4	Số HS tốt nghiệp THCS				511
5	Số HS trúng tuyển THPT				454

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

*** Các khoản thu và mức thu:**

- Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục: thực hiện theo Nghị quyết 60/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của Hội đồng nhân dân TP Hà Nội:

+ Công tác bán trú: (tiền ăn: 35.000đ/suất, chăm sóc bán trú: 235.000đ/HS/tháng, trang thiết bị phục vụ bán trú: 133.000đ).

+ Nước uống: 16.000đ/HS/tháng.

+ Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá: 15.000đ/HS/giờ dạy

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm: Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Giải nhất giáo viên giỏi cấp thành phố môn tiếng Anh (Đ/c Huyền)
- Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội (Đ/c Thuỷ), Bằng khen Bộ GDĐT (Đ/c Tâm).

- Nhà trường đạt liên đội mạnh cấp Trung ương năm học 2025-2026
- Công đoàn đạt tốt nhiệm vụ, vững mạnh trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà" năm 2025. Giấy khen đã có nhiều thành tích trong hoạt động công đoàn cơ sở khối giáo dục năm học 2025-2026.
- Chi bộ đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh" năm 2025.
- Chi đoàn đạt giấy khen đã có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi quận năm 2025.
- Trường tiến tiến xuất sắc về thể dục thể thao năm học 2025-2026;
- Nhận giấy khen đã có nhiều thành tích trong phong trào thể dục thể thao NH 2025-2026
- Công tác y tế, bán trú: Xếp loại Tốt. Đạt Trường học an toàn.
- Tập thể lao động tiên tiến, danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Năm học 2025-2026: Trường được tặng Bằng khen của UBND thành phố, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG CẦU GIẤY T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY

Phạm Thị Như Hoa